

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tin học ứng dụng trong kinh doanh - MH1104006

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 28/8/2023 Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.6

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100030	Nguyễn Thị Thu	Dàng	19/10/2004	6,5	sáu, năm	C24QT1	
2	2210100009	Trần Quốc	Dương	24/11/2000	6,0	sáu, chẵn	C24QT1	
3	2210100022	Nguyễn Quỳnh	Giang	20/05/2004	8,5	tám, năm	C24QT1	
4	2210100032	Nguyễn Thị Thúy	Hàng	15/03/2004	6,5	sáu, năm	C24QT1	
5	2210100011	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	12/09/2003	6,5	sáu, năm	C24QT1	
6	2210100027	Võ Mạnh	Huỳnh	10/08/2004	6,5	sáu, năm	C24QT1	
7	2210100003	Bùi Thị Diễm	Hương	30/12/2002	9,5	chín, năm	C24QT1	
8	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	03/09/2004	9,5	chín, năm	C24QT1	
9	2210100019	Trần Nhật	Long	23/04/2004	6,5	sáu, năm	C24QT1	
10	2210100006	Bùi Trọng	Nghĩa	01/01/2001	8,0	tám, chẵn	C24QT1	
11	2210100087	Đào Thị Bảo	Ngọc	01/06/2004	6,0	sáu, chẵn	C24QT1	
12	2210100012	Nguyễn Kim	Ngọc	13/02/2003	6,8	sáu, tám	C24QT1	
13	2210100021	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	19/07/2004	8,5	tám, năm	C24QT1	
14	2210100002	Nguyễn Hồng	Nhi	25/08/2002	7,0	bảy, chẵn	C24QT1	
15	2210100023	Võ Thị Thanh	Thảo	16/04/2004	6,5	sáu, năm	C24QT1	
16	2210100017	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	14/01/2004	6,5	sáu, năm	C24QT1	
17	2210100106	Đoàn Hoàng	Thiên	05/04/2004	7,5	bảy, năm	C24QT1	
18	2210100010	Nguyễn Thị Thu	Thủy	16/11/2002	8,5	tám, năm	C24QT1	
19	2210100031	Dương Thị Cẩm	Thúy	26/09/2004	7,5	bảy, năm	C24QT1	
20	2210100029	Dương Thị Minh	Thư	15/02/2004	7,5	bảy, năm	C24QT1	
21	2210100008	Lê Thị Mỹ	Tiên	07/12/2001	9,0	chín, chẵn	C24QT1	
22	2210100053	Nguyễn Lê Tú	Trân	21/02/2004	6,0	sáu, chẵn	C24QT1	
23	2210120028	Võ Trần Kim	Tuyền	02/11/2003	7,5	bảy, năm	C24QT1	
24	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	05/04/2004	7,5	bảy, năm	C24QT1	
25	2210100048	Phạm Thị Thảo	Vi	20/04/2004	8,0	tám, chẵn	C24QT1	
26	2210100014	Huỳnh Thị Lan	Vy	30/05/2004	8,5	tám, năm	C24QT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0. Số bài thi: 26 /

Số sinh viên đạt/không đạt: 26 /

Tỷ lệ đạt: 100, %

Ngày: 26 tháng 9 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

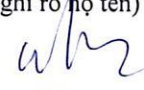
(ký & ghi rõ họ tên)


AS Thuận Trung

Ngày: 25 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Trung Sơn

CHỖ

CHỖ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
KHẢO THÍ VÀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tin học ứng dụng trong kinh doanh - MH1104006

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100030	Nguyễn Thị Thu	Dàng	19/10/2004	4,1	ba, một	C24QT1	
2	2210100009	Trần Quốc	Dương	24/11/2000	5,0	năm, không	C24QT1	
3	2210100022	Nguyễn Quỳnh	Giang	20/05/2004	7,3	ba, ba	C24QT1	
4	2210100032	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	15/03/2004	7,8	ba, tám	C24QT1	
5	2210100011	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	12/09/2003	4,1	ba, một	C24QT1	
6	2210100027	Võ Mạnh	Huỳnh	10/08/2004	6,6	sáu, sáu	C24QT1	
7	2210100003	Bùi Thị Diễm	Hương	30/12/2002	8,0	tám, không	C24QT1	
8	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	03/09/2004	8,0	tám, không	C24QT1	
9	2210100019	Trần Nhật	Long	23/04/2004	6,2	sáu, hai	C24QT1	
10	2210100006	Bùi Trọng	Nghĩa	01/01/2001	6,9	sáu, chín	C24QT1	
11	2210100087	Đào Thị Bảo	Ngọc	01/06/2004	7,3	ba, ba	C24QT1	
12	2210100012	Nguyễn Kim	Ngọc	13/02/2003	6,3	sáu, ba	C24QT1	
13	2210100021	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	19/07/2004	7,3	ba, ba	C24QT1	
14	2210100002	Nguyễn Hồng	Nhi	25/08/2002	7,7	ba, bảy	C24QT1	
15	2210100023	Võ Thị Thanh	Thảo	16/04/2004	4,5	ba, năm	C24QT1	
16	2210100017	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	14/01/2004	6,7	sáu, bảy	C24QT1	
17	2210100106	Đoàn Hoàng	Thiên	05/04/2004	6,8	sáu, tám	C24QT1	
18	2210100010	Nguyễn Thị Thu	Thủy	16/11/2002	8,0	tám, không	C24QT1	
19	2210100031	Dương Thị Cẩm	Thúy	26/09/2004	7,1	ba, một	C24QT1	
20	2210100029	Dương Thị Minh	Thư	15/02/2004	7,2	ba, hai	C24QT1	
21	2210100008	Lê Thị Mỹ	Tiên	07/12/2001	6,8	sáu, tám	C24QT1	
22	2210100053	Nguyễn Lê Tú	Trân	21/02/2004	5,8	năm, tám	C24QT1	
23	2210120028	Võ Trần Kim	Tuyền	02/11/2003	6,5	sáu, năm	C24QT1	
24	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	05/04/2004	7,2	ba, hai	C24QT1	
25	2210100048	Phạm Thị Thảo	Vi	20/04/2004	9,5	chín, năm	C24QT1	
26	2210100014	Huỳnh Thị Lan	Vy	30/05/2004	7,8	ba, tám	C24QT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 0, Số bài thi: 26 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / _____

Tỷ lệ đạt: 100, _____ %

Ngày ~~16~~ tháng 9 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Huệ

Ngày 15 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Trung Sơn

TR
E

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tin học ứng dụng trong kinh doanh - MH1104006

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 28/8/2023 Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.6

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên An	23/09/2004		6,5	sáu, năm	C24QT2	
2	2210100038	Lê Thị Phương Anh	05/04/2004		6,0	sáu, không	C24QT2	
3	2210100051	Nguyễn Thị Kim Cương	12/09/2004		8,8	tám, tám	C24QT2	
4	2210100037	Trương Nguyễn Thục Di	09/02/2004		7,0	bảy, không	C24QT2	
5	2210100064	Quách Xuân Diệu	13/08/2004		8,0	tám, không	C24QT2	
6	2210100039	Đỗ Hồng Đức	01/01/2003		6,5	sáu, năm	C24QT2	
7	2210100081	Lê Hoàng Tuyết Hân	18/07/2004		7,0	bảy, không	C24QT2	
8	2210100054	Ngô Phạm Ngọc Hân	25/09/2004		8,0	tám, không	C24QT2	
9	2210100066	Trương Thị Cẩm Hiếu	13/06/2004		9,0	chín, không	C24QT2	
10	2210100067	Lê Thị Thanh Hoa	28/08/2004		7,0	bảy, không	C24QT2	
11	2210100068	Hứa Nhật Huy	20/01/2004		6,5	sáu, năm	C24QT2	
12	2210100062	Mai Thị Ngọc Hương	01/12/2004		7,5	bảy, năm	C24QT2	
13	2210100059	Trương Minh Kha	23/04/2004		8,0	tám, không	C24QT2	
14	2210100041	Trương Đăng Khoa	02/07/2004		7,5	bảy, năm	C24QT2	
15	2210100069	Nguyễn Thị Ngọc Linh	15/12/2004		7,0	bảy, không	C24QT2	
16	2210100044	Tạ Thị Ngọc Mai	15/02/2004		8,0	tám, không	C24QT2	
17	2210100050	Phan Tiểu Mẫn	29/05/2004		8,5	tám, năm	C24QT2	
18	2210100047	Hà Thị Mỹ Ngọc	17/04/2004		8,0	tám, không	C24QT2	
19	2210100040	Đỗ Thị Nhi	29/07/2004		7,5	bảy, năm	C24QT2	
20	2210100065	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	25/03/2004		8,0	tám, không	C24QT2	
21	2210100018	Huỳnh Thị Huyền Nhung	20/03/2004		7,0	bảy, không	C24QT2	
22	2210100063	Nguyễn Thị Oanh	15/01/2004		9,0	chín, không	C24QT2	
23	2210100058	Lê Kim Phụng	19/06/2003		6,5	sáu, năm	C24QT2	
24	2210100057	Lăng Tiến Quốc	26/01/2004		7,5	bảy, năm	C24QT2	
25	2210100045	Phạm Thị Phương Uyên	25/08/2004		7,8	bảy, tám	C24QT2	
26	2210100046	Đỗ Ngọc Sơn	09/10/2004		6,5	sáu, năm	C24QT2	
27	2210100036	Trần Thị Phương Thảo	06/07/2004		7,3	bảy, ba	C24QT2	
28	2210100033	Nguyễn Thị Kim Thoa	13/08/2004		7,0	bảy, không	C24QT2	
29	2210100052	Nguyễn Thị Thu Thủy	03/11/2004		6,5	sáu, năm	C24QT2	
30	2210100055	Đàm Thị Thanh Thúy	09/11/2002		8,0	tám, không	C24QT2	
31	2210100025	Nguyễn Thị Yên Vi	06/03/2004		9,5	chín, năm	C24QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 31 vắng thi: 0. Số bài thi: 31.

Số sinh viên đạt/không đạt: 31 /

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 16 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

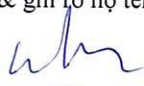
(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Huệ

Ngày 25 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Trung Sơn

RUB

CH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tin học ứng dụng trong kinh doanh - MH1104006

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên An	23/09/2004		8,3	tám, ba	C24QT2	
2	2210100038	Lê Thị Phương Anh	05/04/2004		6,8	sáu, tám	C24QT2	
3	2210100051	Nguyễn Thị Kim Cương	12/09/2004		7,0	bảy, không	C24QT2	
4	2210100037	Trương Nguyễn Thục Di	09/02/2004		7,0	bảy, không	C24QT2	
5	2210100064	Quách Xuân Diệu	13/08/2004		8,5	tám, năm	C24QT2	
6	2210100039	Đỗ Hồng Đức	01/01/2003		5,4	năm, bốn	C24QT2	
7	2210100081	Lê Hoàng Tuyết Hân	18/07/2004		7,0	bảy, không	C24QT2	
8	2210100054	Ngô Phạm Ngọc Hân	25/09/2004		8,8	tám, tám	C24QT2	
9	2210100066	Trương Thị Cẩm Hiếu	13/06/2004		8,3	tám, ba	C24QT2	
10	2210100067	Lê Thị Thanh Hoa	28/08/2004		8,0	tám, không	C24QT2	
11	2210100068	Hứa Nhật Huy	20/01/2004		6,9	sáu, chín	C24QT2	
12	2210100062	Mai Thị Ngọc Hương	01/12/2004		7,8	bảy, tám	C24QT2	
13	2210100059	Trương Minh Kha	23/04/2004		6,5	sáu, năm	C24QT2	
14	2210100041	Trương Đăng Khoa	02/07/2004		6,0	sáu, không	C24QT2	
15	2210100069	Nguyễn Thị Ngọc Linh	15/12/2004		8,0	tám, không	C24QT2	
16	2210100044	Tạ Thị Ngọc Mai	15/02/2004		7,4	bảy, bốn	C24QT2	
17	2210100050	Phan Tiểu Mẫn	29/05/2004		7,3	bảy, ba	C24QT2	
18	2210100047	Hà Thị Mỹ Ngọc	17/04/2004		8,3	tám, ba	C24QT2	
19	2210100040	Đỗ Thị Nhi	29/07/2004		7,8	bảy, tám	C24QT2	
20	2210100065	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	25/03/2004		7,8	bảy, tám	C24QT2	
21	2210100018	Huỳnh Thị Huyền Nhung	20/03/2004		8,0	tám, không	C24QT2	
22	2210100063	Nguyễn Thị Oanh	15/01/2004		7,8	bảy, tám	C24QT2	
23	2210100058	Lê Kim Phượng	19/06/2003		5,2	năm, hai	C24QT2	
24	2210100057	Lăng Tiến Quốc	26/01/2004		7,0	bảy, không	C24QT2	
25	2210100045	Phạm Thị Phương Uyên	25/08/2004		8,0	tám, không	C24QT2	
26	2210100046	Đỗ Ngọc Sơn	09/10/2004		6,5	sáu, năm	C24QT2	
27	2210100036	Trần Thị Phương Thảo	06/07/2004		6,9	sáu, chín	C24QT2	
28	2210100033	Nguyễn Thị Kim Thoa	13/08/2004		6,2	sáu, hai	C24QT2	
29	2210100052	Nguyễn Thị Thu Thủy	03/11/2004		7,8	bảy, tám	C24QT2	
30	2210100055	Đàm Thị Thanh Thúy	09/11/2002		8,3	tám, ba	C24QT2	
31	2210100025	Nguyễn Thị Yến Vi	06/03/2004		8,5	tám, năm	C24QT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 31 vắng thi: 0. Số bài thi: 31 /

Số sinh viên đạt/không đạt: 31 /

Tỷ lệ đạt: 100 , %

Ngày 26 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Mỹ

Ngày 25 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Tăng Sơn



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tin học ứng dụng trong kinh doanh - MH1104006

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 28/8/2023 Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.6

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm Anh	20/04/2004		7,5	bảy, năm	C24QT3	
2	2210100077	Bùi Thị Kim Ánh	21/04/2004		6,5	sáu, năm	C24QT3	
3	2210100091	Lê Huỳnh Quốc Bảo	21/03/2003		9,5	chín, năm	C24QT3	
4	2210100034	Phạm Thành Đạt	08/09/2004		6,0	sáu, không	C24QT3	
5	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	10/12/2004		7,5	bảy, năm	C24QT3	
6	2210100100	Trần Hồng Thái Hiền	19/02/2004		7,0	bảy, không	C24QT3	
7	2210100083	Phạm Thị Ngọc Hương	15/05/2004		8,5	tám, năm	C24QT3	
8	2210100074	Huỳnh Kim Long	03/09/2000		7,0	bảy, không	C24QT3	
9	2210100096	Kheo Thanh Long	19/02/2004		7,0	bảy, không	C24QT3	
10	2210100079	Lê Kim Muôn	21/10/2004		7,0	bảy, không	C24QT3	
11	2210100082	Phạm Thị Trà My	25/06/2004		7,5	bảy, năm	C24QT3	
12	2210100085	Ngô Hồng Thái Mỹ	28/04/2004		7,5	bảy, năm	C24QT3	
13	2210100097	Nguyễn Thị Thu Ngân	17/06/2004		6,5	sáu, năm	C24QT3	
14	2210100089	Nguyễn Thị Yên Nhi	25/10/2004		7,3	bảy, ba	C24QT3	
15	2210100075	Tổng Thị Dương Nhi	10/02/2004		6,5	sáu, năm	C24QT3	
16	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm Nhu	29/06/2004		8,0	tám, không	C24QT3	
17	2210100104	Võ Thị Kim Phụng	10/07/2004		8,5	tám, năm	C24QT3	
18	2210100078	Huỳnh Mỹ Quỳnh	19/02/2004		8,0	tám, không	C24QT3	
19	2210100095	Huỳnh Thanh Quý	27/03/2004		6,0	sáu, không	C24QT3	
20	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng Sang	13/07/2004		6,5	sáu, năm	C24QT3	
21	2210100105	Thái Tấn Thành	17/05/2003		6,5	sáu, năm	C24QT3	
22	2210100103	Nguyễn Phú Thịnh	03/08/2001		7,3	bảy, ba	C24QT3	
23	2210100071	Võ Thị Lệ Thu	19/05/2004		7,5	bảy, năm	C24QT3	
24	2210100043	Đặng Thị Anh Thư	14/03/2004		8,5	tám, năm	C24QT3	
25	2210100092	Hồ Thanh Thư	12/02/2004		7,0	bảy, không	C24QT3	
26	2210100099	Võ Hoàng Minh Thư	10/03/2004		7,0	bảy, không	C24QT3	
27	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	24/11/2004		7,5	bảy, năm	C24QT3	
28	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	05/02/2004		7,5	bảy, năm	C24QT3	
29	2210100084	Nguyễn Kim Du Y	01/12/2004		7,5	bảy, năm	C24QT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 29 vắng thi: 0. Số bài thi: 29 /

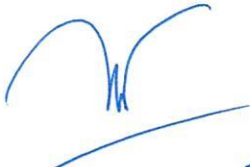
Số sinh viên đạt/không đạt: 29 /

Tỷ lệ đạt: 100, %

Ngày 16...tháng...9...năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

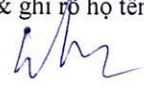
(ký & ghi rõ họ tên)


Assoc. Prof. Nguyễn Thị Minh

Ngày 25...tháng...9...năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lecturer Lê Trung Sơn

TR

K



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tin học ứng dụng trong kinh doanh - MH1104006

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110400601

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm Anh	20/04/2004		8,8	lám, tám	C24QT3	
2	2210100077	Bùi Thị Kim Ánh	21/04/2004		0,0	chảy, lẩy	C24QT3	
3	2210100091	Lê Huỳnh Quốc Bảo	21/03/2003		7,8	bảy, tám	C24QT3	
4	2210100034	Phạm Thành Đạt	08/09/2004		7,0	bảy, không	C24QT3	
5	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	10/12/2004		7,5	bảy, năm	C24QT3	
6	2210100100	Trần Hồng Thái Hiền	19/02/2004		6,8	sáu, ba	C24QT3	
7	2210100083	Phạm Thị Ngọc Hương	15/05/2004		5,5	năm, năm	C24QT3	
8	2210100074	Huỳnh Kim Long	03/09/2000		10,0	mười, không	C24QT3	
9	2210100096	Kheo Thanh Long	19/02/2004		7,5	bảy, năm	C24QT3	
10	2210100079	Lê Kim Muôn	21/10/2004		7,9	bảy, chín	C24QT3	
11	2210100082	Phạm Thị Trà My	25/06/2004		7,2	bảy, hai	C24QT3	
12	2210100085	Ngô Hồng Thái Mỹ	28/04/2004		7,8	bảy, tám	C24QT3	
13	2210100097	Nguyễn Thị Thu Ngân	17/06/2004		7,7	bảy, bảy	C24QT3	
14	2210100089	Nguyễn Thị Yến Nhi	25/10/2004		5,8	năm, tám	C24QT3	
15	2210100075	Tổng Thị Dương Nhi	10/02/2004		7,9	bảy, chín	C24QT3	
16	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm Nhu	29/06/2004		10,0	mười, không	C24QT3	
17	2210100104	Võ Thị Kim Phụng	10/07/2004		7,3	bảy, ba	C24QT3	
18	2210100078	Huỳnh Mỹ Quỳnh	19/02/2004		7,5	bảy, năm	C24QT3	
19	2210100095	Huỳnh Thanh Quý	27/03/2004		5,5	năm, năm	C24QT3	
20	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng Sang	13/07/2004		7,4	bảy, bốn	C24QT3	
21	2210100105	Thái Tấn Thành	17/05/2003		6,8	sáu, tám	C24QT3	
22	2210100103	Nguyễn Phú Thịnh	03/08/2001		5,9	năm, chín	C24QT3	
23	2210100071	Võ Thị Lệ Thu	19/05/2004		7,3	bảy, ba	C24QT3	
24	2210100043	Đặng Thị Anh Thư	14/03/2004		8,9	tám, chín	C24QT3	
25	2210100092	Hồ Thanh Thư	12/02/2004		7,4	bảy, bốn	C24QT3	
26	2210100099	Võ Hoàng Minh Thư	10/03/2004		7,5	bảy, năm	C24QT3	
27	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	24/11/2004		7,8	bảy, tám	C24QT3	
28	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	05/02/2004		6,7	sáu, bảy	C24QT3	
29	2210100084	Nguyễn Kim Du Y	01/12/2004		8,8	tám, ba	C24QT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 29 vắng thi: 0. Số bài thi: 1

Số sinh viên đạt/không đạt: 28 / 01

Tỷ lệ đạt: 96,5 %

Ngày 16 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

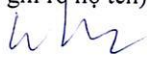
(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Thị Ngọc Anh

Ngày 25 tháng 7 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Tamy Sơn

TR
KI

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tin học ứng dụng trong kinh doanh - MH1104006

Mã lớp học phần: MH110400601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Ngày thi: 15/11/2023

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Lê Trung SanKý tên: ltsGiám thị 2: Lê Thanh HoaKý tên: lthGiám thị 3: Mai Văn ThảoKý tên: mt

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên An	23/09/2004	<u>A</u>		9,0	chín, không	C24QT2	
2	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm Anh	20/04/2004	<u>AT</u>		4,0	bốn, không	C24QT3	
3	2210100038	Lê Thị Phương Anh	05/04/2004	<u>Anh</u>		3,0	ba, không	C24QT2	
4	2210100091	Lê Huỳnh Quốc Bảo	21/03/2003	<u>B</u>		10,0	mười	C24QT3	
5	2210100051	Nguyễn Thị Kim Cương	12/09/2004	<u>C</u>		6,0	sáu, không	C24QT2	
6	2210100030	Nguyễn Thị Thu Dàng	19/10/2004	<u>D</u>		5,5	năm, năm	C24QT1	
7	2210100037	Trương Nguyễn Thục Di	09/02/2004	<u>Th</u>		6,0	sáu, không	C24QT2	
8	2210100064	Quách Xuân Diệu	13/08/2004	<u>Qu</u>		6,0	sáu, không	C24QT2	
9	2210100009	Trần Quốc Dương	24/11/2000	<u>Tr</u>		1,0	một, không	C24QT1	
10	2210100034	Phạm Thành Đạt	08/09/2004	<u>Ph</u>		2,5	hai, năm	C24QT3	
11	2210100039	Đỗ Hồng Đức	01/01/2003	<u>Đ</u>		5,0	năm, không	C24QT2	
12	2210100022	Nguyễn Quỳnh Giang	20/05/2004	<u>G</u>		5,0	năm, không	C24QT1	
13	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	10/12/2004	<u>G</u>		1,5	một, năm	C24QT3	
14	2210100032	Nguyễn Thị Thúy Hằng	15/03/2004	<u>H</u>		7,0	bảy, không	C24QT1	
15	2210100081	Lê Hoàng Tuyết Hân	18/07/2004	<u>H</u>		1,0	một, không	C24QT2	
16	2210100054	Ngô Phạm Ngọc Hân	25/09/2004	<u>N</u>		6,0	sáu, không	C24QT2	
17	2210100100	Trần Hồng Thái Hiền	19/02/2004	<u>T</u>		1,0	một, không	C24QT3	
18	2210100066	Trương Thị Cẩm Hiếu	13/06/2004	<u>Tr</u>		8,5	tám, năm	C24QT2	
19	2210100067	Lê Thị Thanh Hoa	28/08/2004	<u>L</u>		6,0	sáu, không	C24QT2	
20	2210100068	Hứa Nhật Huy	20/01/2004	<u>H</u>		3,0	ba, không	C24QT2	
21	2210100011	Nguyễn Thị Như Huỳnh	12/09/2003	<u>N</u>		8,5	tám, năm	C24QT1	
22	2210100027	Võ Mạnh Huỳnh	10/08/2004	<u>V</u>		3,0	ba, không	C24QT1	
23	2210100003	Bùi Thị Diễm Hương	30/12/2002	<u>B</u>		10,0	mười	C24QT1	
24	2210100062	Mai Thị Ngọc Hương	01/12/2004	<u>M</u>		7,0	bảy, không	C24QT2	
25	2210100083	Phạm Thị Ngọc Hương	15/05/2004	<u>P</u>		8,5	tám, năm	C24QT3	
26	2210100059	Trương Minh Kha	23/04/2004	<u>T</u>		3,0	ba, không	C24QT2	
27	2210100041	Trương Đăng Khoa	02/07/2004	<u>K</u>				C24QT2	
28	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	03/09/2004	<u>N</u>		9,0	chín, không	C24QT1	
29	2210100069	Nguyễn Thị Ngọc Linh	15/12/2004	<u>N</u>		8,0	tám, không	C24QT2	
30	2210100074	Huỳnh Kim Long	03/09/2000	<u>L</u>		6,0	sáu, không	C24QT3	
31	2210100096	Kheo Thanh Long	19/02/2004	<u>L</u>		6,0	sáu, không	C24QT3	
32	2210100019	Trần Nhật Long	23/04/2004	<u>L</u>		4,0	bốn, không	C24QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100044	Tạ Thị Ngọc Mai	15/02/2004			5,0	hai, không	C24QT2	
34	2210100050	Phan Tiểu Mẫn	29/05/2004			3,0	ba, không	C24QT2	
35	2210100079	Lê Kim Muôn	21/10/2004			6,5	sáu, năm	C24QT3	
36	2210100082	Phạm Thị Trà My	25/06/2004			2,0	hai, không	C24QT3	
37	2210100085	Ngô Hồng Thái Mỹ	28/04/2004			7,0	bảy, không	C24QT3	
38	2210100097	Nguyễn Thị Thu Ngân	17/06/2004			7,0	bảy, không	C24QT3	
39	2210100006	Bùi Trọng Nghĩa	01/01/2001			3,0	ba, không	C24QT1	
40	2210100087	Đào Thị Bảo Ngọc	01/06/2004			3,0	ba, không	C24QT1	
41	2210100047	Hà Thị Mỹ Ngọc	17/04/2004			6,0	sáu, không	C24QT2	
42	2210100012	Nguyễn Kim Ngọc	13/02/2003			6,0	sáu, không	C24QT1	
43	2210100021	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	19/07/2004			6,0	sáu, không	C24QT1	
44	2210100040	Đỗ Thị Nhi	29/07/2004			4,5	bốn, năm	C24QT2	
45	2210100002	Nguyễn Hồng Nhi	25/08/2002			2,0	hai, không	C24QT1	
46	2210100065	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	25/03/2004			6,0	sáu, không	C24QT2	
47	2210100089	Nguyễn Thị Yến Nhi	25/10/2004			2,0	hai, không	C24QT3	
48	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm Nhu	29/06/2004			8,5	tám, năm	C24QT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 47 vắng thi: 01. Số bài thi/Số tờ: 47 / 47.
Số sinh viên đạt: 33 Tỷ lệ đạt: 70 %

Ngày 16 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 25 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sơn



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Tin học ứng dụng trong kinh doanh - MH1104006

Mã lớp học phần: MH110400601

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Ngày thi: 15/11/2023

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trần Văn Long

Ký tên: Trần Văn Long

Giám thị 2: Nguyễn Thị Ngọc Thu

Ký tên: Nguyễn Thị Ngọc Thu

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100075	Tổng Thị Dương Nhi	10/02/2004	<u>Nhi</u>	1	5,5	năm, năm	C24QT3	
2	2210100018	Huỳnh Thị Huyền Nhung	20/03/2004	<u>Nhung</u>	1	5,0	năm, không	C24QT2	
3	2210100063	Nguyễn Thị Oanh	15/01/2004	<u>Oanh</u>	1	3,0	bảy, không	C24QT2	
4	2210100104	Võ Thị Kim Phụng	10/07/2004	<u>Phụng</u>	1	5,0	năm, không	C24QT3	
5	2210100058	Lê Kim Phượng	19/06/2003	<u>Phượng</u>	1	3,0	bảy, không	C24QT2	
6	2210100057	Lăng Tiến Quốc	26/01/2004	<u>Quốc</u>	1	4,0	bốn, không	C24QT2	
7	2210100045	Phạm Thị Phương Uyên	25/08/2004	<u>Uyên</u>	1	6,5	sáu, năm	C24QT2	
8	2210100078	Huỳnh Mỹ Quỳnh	19/02/2004	<u>Quỳnh</u>	1	6,0	sáu, không	C24QT3	
9	2210100095	Huỳnh Thanh Quý	27/03/2004	<u>Quý</u>	1	6,0	sáu, không	C24QT3	
10	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng Sang	13/07/2004	<u>Sang</u>	1	5,0	năm, không	C24QT3	
11	2210100046	Đỗ Ngọc Sơn	09/10/2004	<u>Sơn</u>	1	7,0	bảy, không	C24QT2	
12	2210100105	Thái Tấn Thành	17/05/2003	<u>Thành</u>	1	0,0	không, không	C24QT3	
13	2210100036	Trần Thị Phương Thảo	06/07/2004	<u>Thảo</u>	1	5,5	năm, năm	C24QT2	
14	2210100023	Võ Thị Thanh Thảo	16/04/2004	<u>Thảo</u>	1	6,0	sáu, không	C24QT1	
15	2210100017	Nguyễn Thị Hồng Thắm	14/01/2004	<u>Thắm</u>	1	3,0	bảy, không	C24QT1	
16	2210100106	Đoàn Hoàng Thiên	05/04/2004	<u>Thiên</u>	1	2,5	hai, năm	C24QT1	
17	2210100103	Nguyễn Phú Thịnh	03/08/2001	<u>Thịnh</u>	1	4,0	bốn, không	C24QT3	
18	2210100033	Nguyễn Thị Kim Thoa	13/08/2004	<u>Thoa</u>	1	2,0	hai, không	C24QT2	
19	2210100071	Võ Thị Lệ Thu	19/05/2004	<u>Thu</u>	1	2,0	hai, không	C24QT3	
20	2210100010	Nguyễn Thị Thu Thủy	16/11/2002	<u>Thủy</u>	1	7,0	bảy, không	C24QT1	
21	2210100052	Nguyễn Thị Thu Thủy	03/11/2004	<u>Thủy</u>	1	6,0	sáu, không	C24QT2	
22	2210100031	Dương Thị Cẩm Thúy	26/09/2004	<u>Thúy</u>	1	5,5	năm, năm	C24QT1	
23	2210100055	Đàm Thị Thanh Thúy	09/11/2002	<u>Thúy</u>	1	10,0	Mười	C24QT2	
24	2210100029	Dương Thị Minh Thư	15/02/2004	<u>Thư</u>	1	6,0	sáu, không	C24QT1	
25	2210100043	Đặng Thị Anh Thư	14/03/2004	<u>Thư</u>	1	6,0	sáu, không	C24QT3	
26	2210100092	Hồ Thanh Thư	12/02/2004	<u>Thư</u>	1	5,0	năm, không	C24QT3	
27	2210100099	Võ Hoàng Minh Thư	10/03/2004	<u>Thư</u>	1	5,0	năm, không	C24QT3	
28	2210100008	Lê Thị Mỹ Tiên	07/12/2001	<u>Tiên</u>	1	4,0	bốn, không	C24QT1	
29	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	24/11/2004	<u>Tiên</u>	1	5,0	năm, không	C24QT3	
30	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	05/02/2004	<u>Tiên</u>	1	2,0	hai, không	C24QT3	
31	2210100053	Nguyễn Lê Tú Trân	21/02/2004	<u>Trân</u>	1	0,0	không, không	C24QT1	
32	2210120028	Võ Trần Kim Tuyền	02/11/2003	<u>Tuyền</u>	1	1,0	một, không	C24QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường Vi	05/04/2004	Vi	1	4,0	bốn, không	C24QT1	
34	2210100025	Nguyễn Thị Yến Vi	06/03/2004	Yến	1	7,0	bảy, không	C24QT2	
35	2210100048	Phạm Thị Thảo Vi	20/04/2004	Th	1	6,0	sáu, không	C24QT1	
36	2210100014	Huỳnh Thị Lan Vy	30/05/2004	Vy	1	8,5	tám, năm	C24QT1	
37	2210100084	Nguyễn Kim Du Y	01/12/2004	Y	1	4,0	bốn, không	C24QT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 37 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 37 / 37 .

Số sinh viên đạt: 27 Tỷ lệ đạt: 73 %

Ngày 26 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Yến Vi



Ngày 25 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Trung Sơn